

---

# TỔNG QUAN VĂN HOÁ TỔ CHỨC QUA PHÂN TÍCH TRẮC LƯỢNG THƯ MỤC BẰNG VOSVIEWER

Nguyễn Duy Khánh  
Trường Đại học Ngân hàng  
Email: khanhduy7919@yahoo.com

Mã bài: JED-1206  
Ngày nhận bài: 19/03/2023  
Ngày nhận bài sửa: 10/04/2023  
Ngày duyệt đăng: 08/05/2023  
DOI: 10.33301/JED.VI.1206

## Tóm tắt

Văn hóa tổ chức đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành lợi thế cạnh tranh. Đã có nhiều nghiên cứu được thực hiện bằng cách phân tích tài liệu tham khảo của các nghiên cứu với mô hình trực quan. Nghiên cứu này cung cấp thông tin rộng rãi về văn hoá tổ chức, bao gồm các tác giả, tạp chí, quốc gia và tài liệu tham khảo. Sử dụng nguồn dữ liệu Scopus từ năm 1969 đến 2023 với 4731 nghiên cứu về văn hoá tổ chức để phân tích trắc lượng thư mục với sự hỗ trợ của phần mềm VOSviewer kết hợp với phần mềm MS Excel và Publish and Perish của Harzing. Kết quả phân tích được tổng hợp qua các bảng số liệu và trực quan bằng hình ảnh. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ sử dụng nguồn dữ liệu từ Scopus nên kết quả phân tích có thể chưa bao quát được toàn bộ các nghiên cứu đã xuất bản. Những nghiên cứu tiếp theo có thể bổ sung thêm dữ liệu từ các nguồn khác để gia tăng tính khách quan của kết quả nghiên cứu.

**Từ khoá:** Phân tích trắc lượng thư mục, Văn hoá tổ chức, VOSviewer.

**Mã phân loại JEL:** D83, J53, M14, M19

## Overview of organizational culture through bibliometric analysis using VOSviewer

### Abstract

Organizational culture plays an essential role in the formation of competitive advantage. Many studies have been done by analyzing the references of publications with a visual model. This study aimed to provide broad information on organizational culture, including authors, journals, countries, and references. The data was collected from Scopus, containing 4731 studies on organizational culture, from 1969 to 2023, for bibliometric analysis with the support of VOSviewer software combined with MS Excel and Harzing's Publish and Perish software. Analysis results are summarized through data tables and visualized by images. However, this study only used data from Scopus, so the analysis results may not be comprehensive for all published publications. Further studies may add data from other sources to increase the objectivity of the research results.

**Keywords:** Bibliometric analysis, Organizational culture, VOSviewer.

## 1. Giới thiệu

Chủ đề văn hóa tổ chức được sử dụng rộng rãi trong những năm gần đây (Ginting, 2023). Văn hóa tổ chức được coi là một yếu tố quan trọng cho sự thành công của các doanh nghiệp liên quan đến đổi mới sáng tạo, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế tri thức (Büschgens & cộng sự, 2013). Mọi tổ chức đều có văn hóa độc đáo của nó và từ thế kỷ trước, nhiều học giả và nghiên cứu đã phát triển sự hiểu biết về tác động của các khía cạnh văn hóa đối với quản lý tổ chức (Qin & cộng sự, 2023). Có nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, các

---

công ty thành công thường sở hữu một văn hóa tổ chức rõ ràng và cụ thể (Barney, 1986; Calori & Sarnin, 1991; Gordon & DiTomaso, 1992; Wilkins & Ouchi, 1983).

*VOSviewer* là kỹ thuật lập bản đồ thư mục nhằm mục đích thay thế cho kỹ thuật MDS (Multidimensional scaling) nổi tiếng (Van Eck & cộng sự, 2010). *VOSviewer* cho phép tạo ra bản đồ và trực quan hóa các mạng số liệu và phân tích các yếu tố bao gồm tạp chí, tác giả, nghiên cứu riêng lẻ và có thể được xây dựng dựa trên các trích dẫn, khớp nối thư mục, đồng trích dẫn hoặc mối quan hệ đồng tác giả (Van Eck & Waltman, 2017). Ngoài ra, *VOSviewer* cũng thực hiện các chức năng khai thác văn bản để phân tích nội dung của tài liệu khoa học, đặc biệt là tiêu đề và tóm tắt của nghiên cứu.

Nghiên cứu thư mục ngày càng trở nên phổ biến như một trong những cách tiếp cận xu hướng nghiên cứu mới (Ahmi & Mohd Nasir, 2019). Pinto & cộng sự (2014) dựa vào ánh xạ đồng trích dẫn của phương pháp phân tích thư mục đã xác định hai nhóm nghiên cứu chính. Một nhóm bao gồm các công việc về khái niệm hóa văn hóa và các chiều của nó và nhóm còn lại tập trung vào khoảng cách văn hóa. El Baz & Iddik (2022) sử dụng phần mềm *CiteSpace* với nguồn dữ liệu từ *Web of Science*. El Baz & Iddik (2022) đã thu thập 1479 nghiên cứu trong chỉ số trích dẫn khoa học (SCI) và chỉ số trích dẫn khoa học xã hội (SSCI) từ năm 2005 đến 2016 với 63 682 tài liệu tham khảo tương ứng để phân tích. Gần đây, nghiên cứu của El Baz & Iddik (2022) cũng dựa vào nguồn dữ liệu của *Scopus* (2001 – 2020) để phân tích thư mục cho nghiên cứu Văn hóa tổ chức và quản lý chuỗi cung ứng xanh: phân tích thư mục dựa trên dữ liệu *Scopus*. Hơn nữa, so với các phương pháp nghiên cứu khác trong lĩnh vực này chẳng hạn như tổng quan tài liệu có hệ thống và tổng quan phân tích tổng hợp, nghiên cứu của tác giả có ba ưu điểm so với các phương pháp khác. Thứ nhất, kết quả được trình bày dưới dạng bảng và hình để người nghiên cứu dễ hiểu. Thứ hai, *VOSviewer* không chỉ phân tích nội dung của các nghiên cứu về văn hóa tổ chức mà còn cung cấp thông tin phân tích toàn diện như tác giả, tổ chức, quốc gia và thư mục. Thứ ba, các xu hướng tiềm năng trong tương lai không chỉ tập trung vào một khía cạnh thông qua phân tích thống kê. Phân tích thống kê giúp các nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực khác nhau mở rộng nghiên cứu của họ và giúp sinh viên hiểu liệu những thách thức kinh doanh có liên quan đến văn hóa doanh nghiệp hay không.

Bài viết này cung cấp một cái nhìn tổng quan về văn hóa tổ chức bằng cách sử dụng thư mục từ *VOSviewer* dựa trên nguồn dữ liệu *Scopus* được thống kê từ năm 1969 đến năm 2023. Ngoài ra, xu hướng gia tăng về nghiên cứu, tác giả đầu tiên, tạp chí hàng đầu, quốc gia, tổ chức và tài liệu tham khảo chính được trình bày cùng với lịch sử phát triển của văn hóa tổ chức. Dựa trên những kết quả này, các xu hướng trong tương lai có thể được dự đoán. Nhìn chung, bài viết này không chỉ cung cấp nền tảng về văn hóa tổ chức cho các nhà nghiên cứu mới mà còn cung cấp một khung nghiên cứu trực quan và định lượng về quản lý, cho phép các học giả khám phá khoảng cách giữa văn hóa tổ chức và phân tích thư mục.

Được bắt đầu với một tổng quan ngắn gọn về sự phát triển của văn hóa tổ chức và sau đó là thông tin về công cụ được sử dụng để phân tích (*VOSviewer*) và quy trình tìm kiếm, bài viết cung cấp một góc nhìn tổng quan về văn hóa tổ chức bằng cách sử dụng thư mục từ *VOSviewer* dựa trên nguồn dữ liệu *Scopus* được thống kê từ năm 1969 đến năm 2023. Kết quả của các bài báo trích dẫn (là các bài báo được tìm kiếm trong nghiên cứu này) và các bài báo được trích dẫn (các tài liệu tham khảo của các bài báo được tìm kiếm trong nghiên cứu này) được thể hiện trực quan qua các bảng tổng hợp và các hình ảnh. Dựa trên kết quả này, xu hướng gia tăng về nghiên cứu, tác giả đầu tiên, tạp chí hàng đầu, quốc gia, tổ chức và tài liệu tham khảo chính được thể hiện cùng với lịch sử phát triển của văn hóa tổ chức cũng như cung cấp cho độc giả quan tâm về văn hóa tổ chức dễ dàng tìm thấy các xu hướng nghiên cứu thông qua các bảng đồ mạng lưới. Phần cuối của bài viết này kết luận với những phát hiện trong nghiên cứu, trình bày những đóng góp về phương pháp và thực tiễn, đồng thời chỉ ra một số hạn chế.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Nguồn dữ liệu và phương án tìm kiếm**

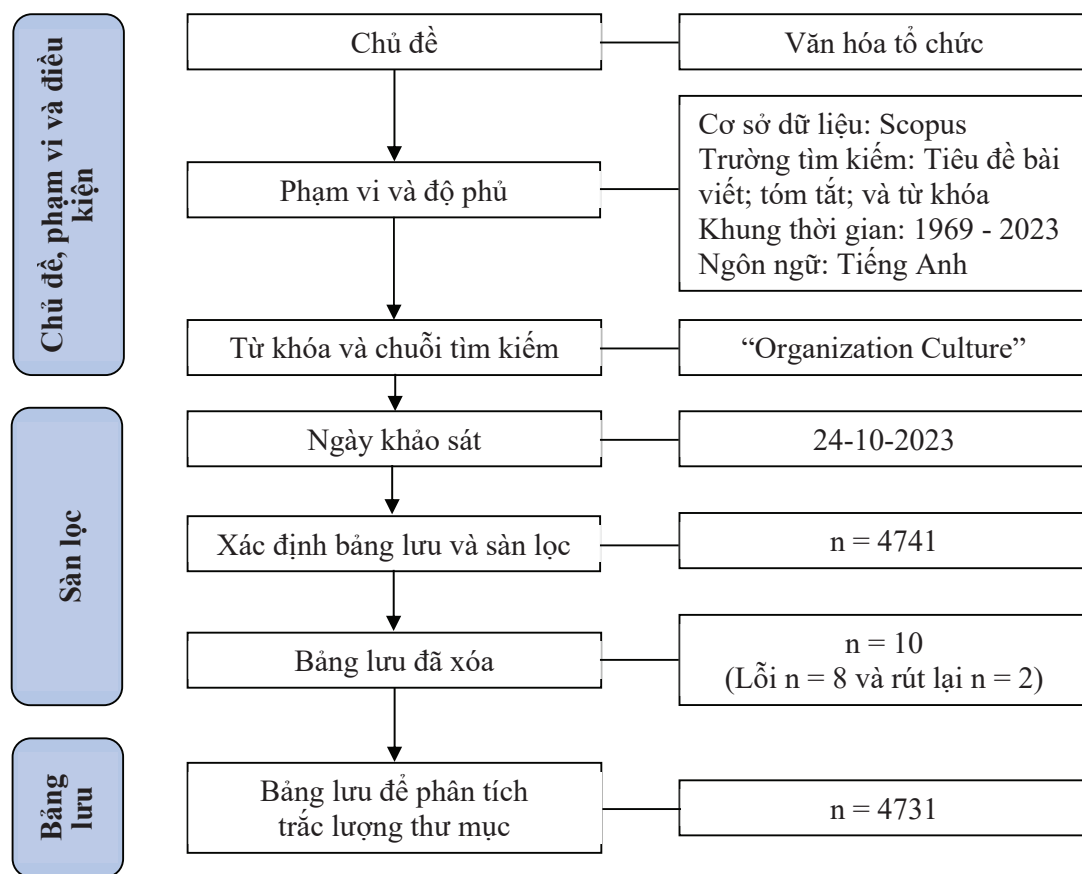
Phân tích trắc lượng thư mục được thực hiện bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu *Scopus* kể từ năm 1969 đến 2023. “Organizational Culture” là cụm từ tìm kiếm có trong tiêu đề của bài báo được sử dụng để tìm kiếm các bài báo liên quan đã xuất bản bằng bất kỳ ngôn ngữ nào liên quan đến nghiên cứu về văn hoá tổ chức. Annesley (2010) và Jamali & Nikzad (2011) cho rằng, tiêu đề của bài báo là yếu tố đầu tiên mà người đọc sẽ

quan sát. Tuy nhiên, để mở rộng phạm vi tìm kiếm tác giả lựa chọn phạm vi tìm kiếm theo tiêu đề bài báo, tóm tắt và các từ khóa liên quan trong trường tìm kiếm tài liệu thuộc trang chủ *Scopus*. Nó đại diện cho chủ đề liên quan có ý nghĩa với lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu của nghiên cứu. Tác giả đã tùy chỉnh tìm kiếm các nghiên cứu đã xuất bản từ năm 1969 đến 2023 để xác định các nghiên cứu về văn hoá tổ chức.

## 2.2. Khai thác thông tin

Hình 1 trình bày sơ đồ tìm kiếm của tác giả. Trong nghiên cứu này, tất cả các tài liệu đã được phân tích thư mục. Tác giả đã sử dụng (i) *Microsoft Excel* 2019 để tính toán tần suất và tỷ lệ phần trăm của các tài liệu đã xuất bản và để tạo các biểu đồ và đồ thị có liên quan; (ii) *VOSviewer* (phiên bản 1.6.19) để tạo và trực quan hóa các mạng thư mục; và (iii) Phần mềm *Publish and Perish* của *Harzing* để tính toán các chỉ số trích dẫn. Tác giả đã loại trừ các loại tài liệu bị chỉnh sửa và rút lại để tránh việc đếm tài liệu trùng lặp hoặc đếm sai.

Hình 1: Sơ đồ tìm kiếm



Nguồn: Zakaria & cộng sự (2021)

## 3. Kết quả

### 3.1. Mô tả tài liệu truy xuất

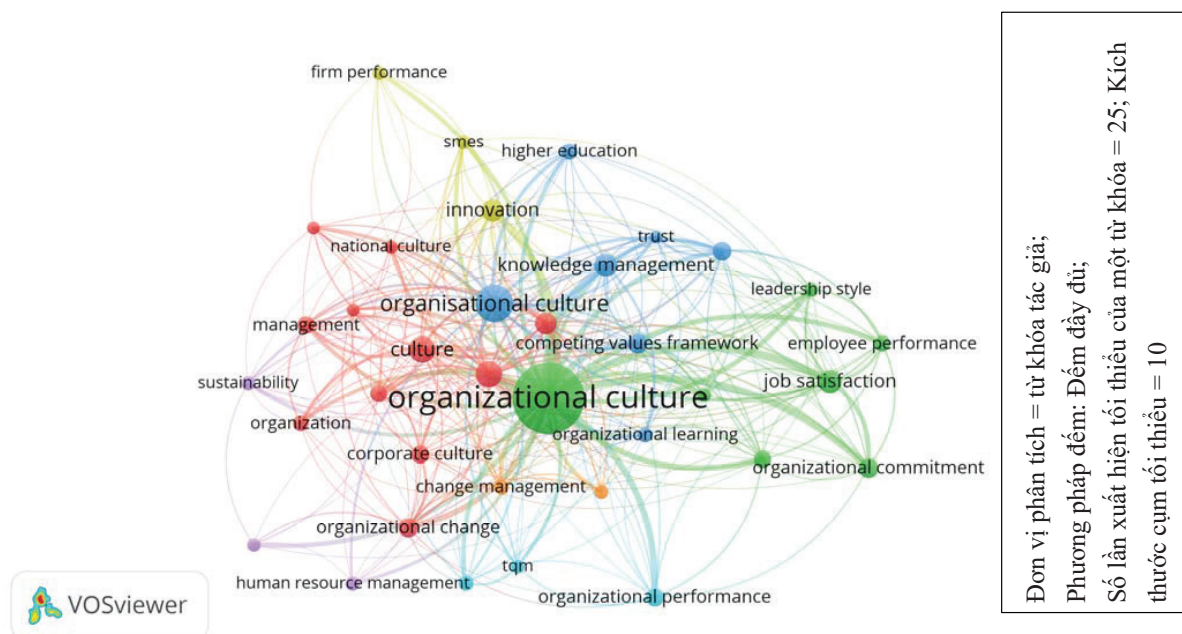
Tổng cộng có 4731 tài liệu được xác định từ cơ sở dữ liệu *Scopus* dựa trên loại tài liệu và loại nguồn. Loại tài liệu có thể là bài báo, bài báo đánh giá, sách, chương sách, thư, ghi chú, bài báo hội nghị, tổng quan dữ liệu, khảo sát ngắn, hoặc không xác định. Bảng 1 tóm tắt cấu trúc của các danh mục theo từng loại tài liệu. Bài viết gốc 72,44% (3427) tổng số tài liệu đã xuất bản, tiếp theo là các bài báo hội thảo, chiếm 11,73% (555), chương sách (422, 8,92%), tổng quan (226, 4,78%), và các loại tài liệu khác mà mỗi loại chỉ đóng góp dưới 1% tổng số nghiên cứu. Các tài liệu được truy xuất đã nhận được tổng cộng 99421 trích dẫn, 1841.13 trích dẫn/năm và 87.61 trích dẫn/bài viết.

**Bảng 1: Tóm tắt dữ liệu được truy xuất (1969 - 2023)**

Loại tài liệu	Tổng số nghiên cứu	Phần trăm (%)
Bài báo	3427	72,44
Bài báo hội thảo	555	11,73
Chương sách	422	8,92
Tổng quan	226	4,78
Sách	39	0,82
Ghi chú	32	0,68
Xã luận	12	0,25
Thư	8	0,17
Khảo sát ngắn	7	0,15
Dữ liệu giấy	3	0,06
Tổng cộng	4731	100

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus*

Phần lớn các tài liệu truy xuất được xuất bản bằng tiếng Anh (4465, 94,38%), tiếp theo là tiếng Tây Ban Nha (2,13%) và Bồ Đào Nha (0,74%). Các ngôn ngữ khác bao gồm tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Hàn Quốc và tiếng Ba Tư.

**Hình 2: Trực quan hóa bản đồ mạng của các từ khóa tác giả**

*Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm VOSviewer*

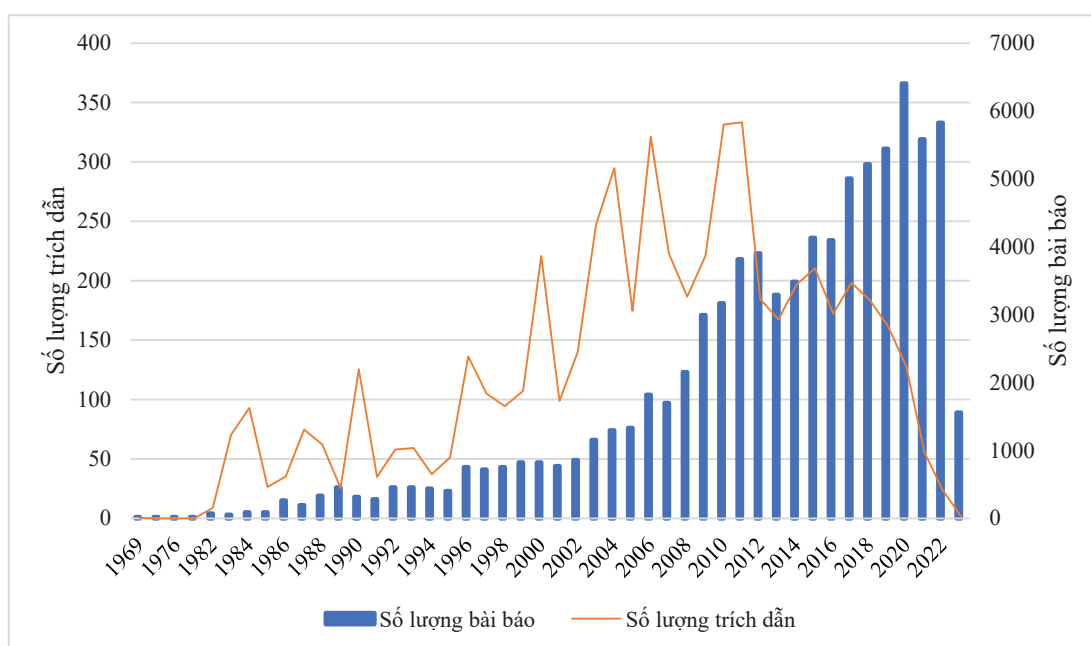
Lập bản đồ bằng kỹ thuật *VOSviewer* của từ khóa tác giả với số lần xuất hiện tối thiểu là 25 cho thấy rằng những từ khóa như văn hoá, lãnh đạo, giá trị, văn hoá doanh nghiệp, thay đổi tổ chức, hiệu quả tổ chức, cam kết tổ chức, hài lòng công việc, quản trị tri thức, hiệu quả hoạt động và cải tiến là những từ khóa tác giả gặp nhiều nhất sau loại trừ các từ khóa chủ yếu liên quan đến truy vấn tìm kiếm (Hình 2). Các hình tròn trong cùng một cụm màu gợi ý một chủ đề tương tự giữa các nghiên cứu. Mỗi hình tròn đại diện cho một lĩnh vực con của lĩnh vực nghiên cứu văn hoá tổ chức. Cụ thể, như được hiển thị trong cụm màu đỏ (cụm 1, 21 mục), các từ khóa như văn hoá doanh nghiệp, văn hoá, hiệu quả hoạt động, quản trị nguồn nhân lực, cải tiến, lãnh đạo, quản trị, hiệu quả tổ chức, thay đổi tổ chức có liên quan đến chủ đề “văn hoá”. Trong cụm màu xanh lá cây (cụm 2, 14 mục), các từ khóa như kiến thức quản trị, động lực, cam kết tổ chức, hiệu quả làm việc của

nhân viên, phong cách lãnh đạo, hiệu quả tổ chức, v.v., được tập trung vào miền chính là “sự hài lòng trong công việc”.

### 3.2. Sự gia tăng nghiên cứu

Việc kiểm tra các tài liệu dựa trên năm xuất bản giúp nhà nghiên cứu quan sát mô hình phát triển và mức độ phổ biến của đối tượng nghiên cứu theo thời gian (Ahmi & Mohd Nasir, 2019). Năng suất cao nhất quan sát được vào năm 2020, với tổng số 338 tài liệu và năng suất thấp nhất là vào những năm đầu của giai đoạn điều tra số liệu (1969, 1971, 1976, 1979), với nghiên cứu xuất bản là 1. Số lượng nghiên cứu đã tăng lên trong thời gian gần đây (Hình 3).

**Hình 3: Biểu đồ gia tăng số nghiên cứu**



Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus

Ma trận trích dẫn mỗi năm đối với các tài liệu được truy xuất được trình bày trong Bảng 2. Số lượng trích dẫn trên mỗi nghiên cứu cao nhất đối với các tài liệu xuất bản năm 1983 (410.00 trích dẫn trên mỗi nghiên cứu), trong khi thấp nhất là đối với các tài liệu xuất bản năm 1979 (1 trích dẫn trên mỗi nghiên cứu).

**Bảng 2: Số lượng nghiên cứu hàng năm và ma trận trích dẫn**

Năm	Tổng số xuất bản	Trích dẫn	Số bài báo được trích dẫn	Số trích dẫn trên một bài báo	Số trích dẫn trung bình trên mỗi bài báo	Chỉ số h	Chỉ số g
1969	1	6	1	6,00	6,00	0	0
1971	1	0	0	0,00		0	0
1976	1	0	0	0,00		0	0
1979	1	1	1	1,00	1,00	1	1
1982	4	155	3	38,75	51,67	2	4
1983	3	1230	3	410,00	410,00	3	3
1984	5	1626	5	325,20	325,20	4	5
1985	5	461	4	92,20	115,25	4	5

1986	15	617	13	41,13	47,46	8	15
1987	11	1306	10	118,73	130,60	6	11
1988	19	1087	18	57,21	60,39	11	19
1989	26	446	22	17,15	20,27	11	21
1990	18	2193	15	121,83	146,20	9	18
1991	16	609	12	38,06	50,75	9	16
1992	26	1014	22	39,00	46,09	13	26
1993	26	1036	24	39,85	43,17	14	26
1994	25	650	21	26,00	30,95	9	25
1995	23	897	22	39,00	40,77	13	23
1996	43	2384	39	55,44	61,13	17	43
1997	41	1838	37	44,83	49,68	16	41
1998	43	1651	38	38,40	43,45	13	40
1999	47	1876	41	39,91	45,76	20	43
2000	47	3865	43	82,23	89,88	26	47
2001	44	1729	40	39,30	43,23	21	41
2002	49	2450	45	50,00	54,44	23	49
2003	66	4324	57	65,52	75,86	24	65
2004	74	5157	68	69,69	75,84	33	71
2005	76	3056	61	40,21	50,10	25	55
2006	104	5619	89	54,03	63,13	33	74
2007	97	3896	81	40,16	48,10	35	62
2008	123	3267	106	26,56	30,82	32	55
2009	171	3869	134	22,63	28,87	34	59
2010	181	5799	139	32,04	41,72	37	74
2011	218	5835	183	26,77	31,89	36	71
2012	223	3228	170	14,48	18,99	31	48
2013	188	2931	154	15,59	0,05	29	48
2014	199	3445	155	17,31	0,04	29	54
2015	236	3680	167	15,59	0,05	30	56
2016	234	3013	175	12,88	0,06	29	46
2017	286	3469	222	12,13	0,06	34	49
2018	298	3214	235	10,79	0,07	27	45
2019	311	2832	225	9,11	0,08	26	43
2020	366	2239	267	6,12	0,12	22	33
2021	319	972	173	3,05	0,18	15	21
2022	333	414	142	1,24	0,34	9	12
2023	89	31	11	0,35	0,35	3	4

### 3.3. Mô hình quyền tác giả, cộng tác và các tác giả tiêu biểu

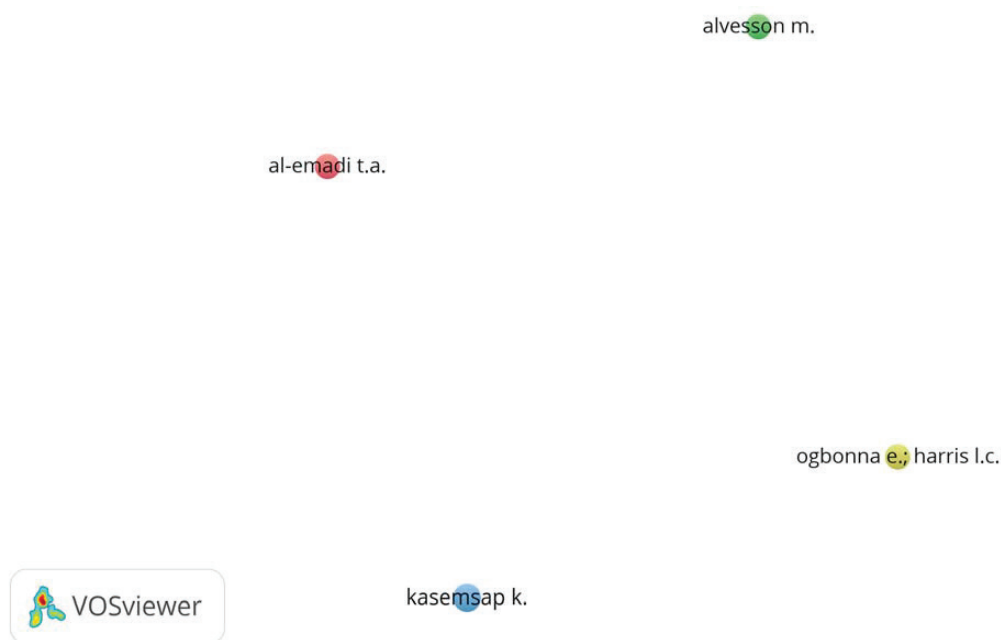
Tổng cộng có 1270 (26,84%) tài liệu là nghiên cứu của một tác giả trong khi các tài liệu còn lại (3461; 73,16%) là nghiên cứu của nhiều tác giả (Bảng 3). Do đó, tỷ lệ nghiên cứu nhóm hoặc mức độ hợp tác nghiên cứu giữa các nhà nghiên cứu văn hoá tổ chức là 73,16%. Các tác giả có năng suất tối thiểu là 5 tài liệu và tổng số trích dẫn tối thiểu là 1 được hiển thị bằng kỹ thuật *VOSviewer* và được trình bày trong Hình 4. Bản đồ bao gồm 3 vòng tròn, mỗi vòng đại diện cho một tác giả. Các vòng độc lập với nhau cho thấy các tác giả chưa có sự hợp tác nghiên cứu chặt chẽ với nhau.

**Bảng 3: Số lượng tác giả trên mỗi nghiên cứu**

Số tác giả	Số nghiên cứu	Phần trăm (%)	Số tác giả	Số nghiên cứu	Phần trăm (%)
0a (1)	71	1,50	9	13	0,27
1	1270	26,84	10	9	0,19
2	1444	30,52	11	7	0,15
3	988	20,88	12	3	0,06
4	543	11,48	13	2	0,04
5	227	4,80	14	1	0,02
6	84	1,78	15	1	0,02
7	55	1,16	24	1	0,02
8	14	0,30	33	1	0,02

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus

**Hình 4: Bản đồ trực quan hoá mạng lưới đồng tác giả nghiên cứu văn hoá tổ chức**



Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm VOSviewer

**Bảng 4: 10 tác giả làm việc hiệu quả nhất**

Tác giả	Tổng số bài báo	Tổng số trích dẫn	Số trích dẫn trên một bài báo	Chỉ số h	Chỉ số g
Mannion, R.	10	1677	167,7	9	10
Dasgupta, S.	9	50	5,56	3	6
Glisson, C.	9	945	105,00	9	9
Ogbonna, C.	9	918	102,00	9	9
Ashkanasy, N. M.	8	583	72,88	5	8
Reiman, T.	8	129	16,13	3	8
Rusu, L.	8	33	4,13	4	5
Vadi, M.	8	114	14,25	6	8
Alvesson, M.	7	344	49,14	6	7
Chatman, J. A.	7	973	49,14	6	7

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus

Dựa trên bộ dữ liệu của tác giả, 159 tác giả đã xuất bản các bài báo về chủ đề văn hoá tổ chức từ năm 1969 đến 2023. Bảng 4 liệt kê 10 tác giả làm việc hiệu quả nhất trong thời gian nghiên cứu. Tác giả có năng suất cao nhất với số lượng công bố cao nhất là Mannion (10 công bố; 1677 trích dẫn), trong khi tác giả Dasgupta (9 công bố; 50 trích dẫn) xếp thứ hai.

### 3.4. Các nghiên cứu phân bố theo địa lý

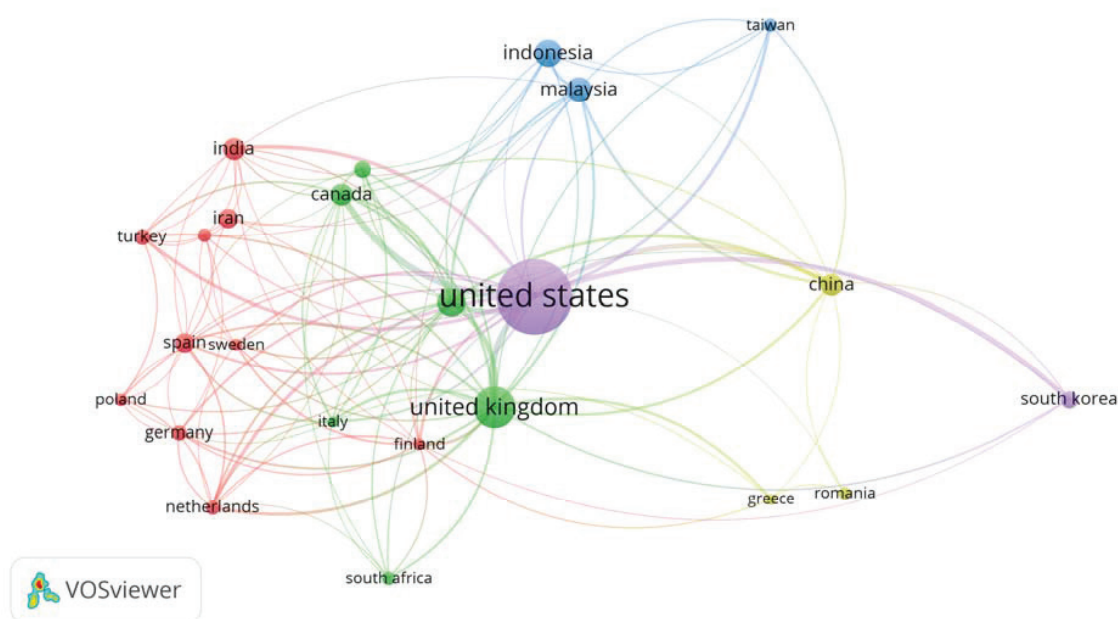
Các nhà nghiên cứu từ 119 quốc gia khác nhau đã đóng góp vào việc xuất bản các tài liệu được truy xuất từ năm 1969 đến năm 2023. 10 quốc gia hàng đầu đóng góp cho các nghiên cứu được liệt kê trong Bảng 5. Hoa Kỳ đứng đầu với tổng số 1161 (24,54%) nghiên cứu, tiếp theo là Vương Quốc Anh 447 (9,45%) nghiên cứu và Úc bắt đầu xuất bản từ năm 1988 với 238 (5,03%) nghiên cứu. Trục quan hóa về sự hợp tác giữa các quốc gia với năng suất tối thiểu là 50 tài liệu được thể hiện như trong Hình 5.

**Bảng 5: 10 quốc gia đã đóng góp cho các nghiên cứu**

Xếp hạng	Quốc gia	Tổng số bài báo	Tổng số trích dẫn	Tổng cường độ liên kết
1	Hoa Kỳ	1161	38099	323
2	Vương quốc Anh	447	14204	187
3	Châu Úc	238	8775	135
4	Indonesia	233	1014	27
5	Malaysia	188	2067	83
6	Canada	166	3929	83
7	Trung Quốc	161	4048	91
8	Ấn Độ	161	1966	45
9	Iran	133	731	11
10	Tây Ban Nha	131	3012	69

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus

**Hình 5: Bản đồ trực quan hóa mạng lưới hợp tác quốc tế giữa các quốc gia với năng suất tối thiểu 50 tài liệu**



Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm VOSviewer



Bản đồ trực quan hóa mạng lưới hợp tác quốc tế giữa các quốc gia với năng suất tối thiểu 50 nghiên cứu. Độ dày của đường nối giữa hai quốc gia bất kỳ cho thấy sức mạnh của sự hợp tác. Các quốc gia có màu tương tự tạo thành một cụm. Cụ thể, các quốc gia có màu đỏ như Ấn Độ, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Ba Lan, Hà Lan và Thụy Sĩ được nhóm trong cụm màu đỏ. Brazil, Canada, Italia và Vương Quốc Anh được nhóm trong cụm màu xanh lá. Trong khi Indonesia, Malaysia và Đài Loan được nhóm trong cụm màu xanh dương. Trung Quốc, Hy Lạp và Rumania được nhóm trong cụm màu vàng.

Các tổ chức có ảnh hưởng nhất với tối thiểu 5 công bố được tóm tắt trong Bảng 6. Hầu hết các tổ chức tích cực trong lĩnh vực này đều ở Malaysia và Châu Úc. Trường đại học *Universiti Utara Malaysia* là tổ chức hoạt động hiệu quả nhất và đứng đầu với tổng số 42 nghiên cứu. Tiếp theo là Trường đại học *Queensland University of Technology*, Châu Úc với 32 nghiên cứu.

**Bảng 6: Các tổ chức có ảnh hưởng nhất với tối thiểu 5 nghiên cứu**

Tổ chức	Quốc gia	Tổng số bài báo	Tổng số bài báo được trích dẫn	Tổng số trích dẫn	Tổng số trích dẫn trên một bài báo	Số trích dẫn trung bình trên mỗi bài báo được trích dẫn	Chỉ số h	Chỉ số g
Universiti Utara Malaysia	Malaysia	42	31	442	10,52	14,26	11	20
Queensland University of Technology	Châu Úc	32	24	1376	43,00	57,33	16	32
Universidade de São Paulo	Brazil	31	25	432	13,94	17,28	9	20
College of Business, Universiti Utara Malaysia	Malaysia	24	19	208	8,76	10,95	8	14
The University of Manchester	Vương quốc Anh	23	21	1719	74,74	81,86	15	23
The George Washington University	Hoa Kỳ	22	17	237	10,77	13,94	8	15
Universiti Sains Malaysia	Malaysia	21	18	221	10,52	12,28	9	14
Islamic Azad University	Iran	21	11	67	3,19	6,09	4	8
Bucharest University of Economic Studies	Rumania	21	10	31	1,48	3,10	4	4
University of California, Berkeley	Hoa Kỳ	20	20	2128	106,40	106,40	14	20

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus*

### 3.5. Các tạp chí phổ biến

Bảng 7 liệt kê 6 Tạp chí hàng đầu về nghiên cứu văn hoá tổ chức. Tạp chí *Sustainability* đứng đầu với 34 nghiên cứu, tiếp theo là Tạp chí *International Journal of Human Resource Management* ở vị trí thứ hai (28 nghiên cứu).

### 3.6. Các nghiên cứu được trích dẫn hàng đầu

10 bài báo được trích dẫn hàng đầu trong lĩnh vực văn hóa tổ chức được trình bày trong Bảng 8. Bài báo nhận được trích dẫn cao nhất, “Văn hoá tổ chức” đã được xuất bản trên tạp chí *American Psychologist* năm 1990 đã nhận được tổng cộng 1882 trích dẫn và là bài báo có ảnh hưởng nhất dựa trên trích dẫn mỗi năm (57.06 trích dẫn/năm). Schein đã được liệt kê là tác giả có năng suất cao nhất và là tác giả của hơn 30% số bài báo được trích dẫn nhiều nhất được liệt kê trong Bảng 7, bao gồm cả bài báo được trích dẫn nhiều thứ hai, “Nhận thức mới về Văn hóa tổ chức” được xuất bản trên Tạp chí *Sloan Management Review* năm 1984 và nhận được tổng cộng 1070 trích dẫn. Xếp thứ ba là Denison với nghiên cứu “Sự khác biệt giữa văn hóa tổ

chức và môi trường tổ chức là gì? Quan điểm của người bản xứ về những mô hình gây tranh cãi trong một thập kỷ” đăng trên tạp chí *Academy of Management Review* đã nhận được 1053 trích dẫn.

**Bảng 7: 6 Tạp chí xuất bản hàng đầu về nghiên cứu văn hoá tổ chức**

Tên tạp chí	Tổng số bài báo	Tổng số trích dẫn	Nhà xuất bản
Sustainability (Switzerland)	34	470	MDPI
International Journal of Human Resource Management	28	1704	Routledge
Quality – Access to Success	27	55	SRAC – Romanian Society for Quality
Espacios	25	26	Revista Espacios
Proceedings of the International Conference on Industrial Engineering and Operations Management	25	21	IEOM Society
BMC Health Services Research	23	577	BioMed Central Ltd.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus

**Bảng 8: Danh sách 10 tác giả nổi bật về nghiên cứu văn hoá tổ chức**

Tác giả	Tên bài báo	Năm xuất bản	Tổng số trích dẫn	Số trích dẫn trên năm
Schein, E. H.	Organizational Culture	1990	1882	57,06
Schein, E. H.	Coming to a new awareness of Organizational Culture	1984	1070	27,44
Denison, D. R.	What is the difference between organizational culture and organizational climate? A native’s point of view on a decade of paradigm wars	1996	1053	39,00
Martins, E. C., & Terblanche, F.	Building organizational culture that stimulates creativity and innovation	2003	917	45,85
Weick, K. E.	Organizational Culture as a Source of High Reliability	1987	904	25,11
Ravasi, D., & Schultz, M.	Responding to organizational identity threats: Exploring the role of organizational culture	2006	776	45,71
Zahra, S. A., Hayton, J. C., & Salvato, C.	Entrepreneurship in family vs. Non-family firms: A resource-based analysis of the effect of organizational culture	2004	742	39,11
Homburg, C., & Pflesser, C.	A multiple-layer model of market-oriented organizational culture: Measurement issues and performance outcomes	2000	739	32,13
Schein, E. H.	The role of the founder in creating organizational culture	1983	694	17,35
Zheng, W., Yang, B., & McLean, G. N.	The relationship of organizational culture with productivity and quality: A study of Indian software organizations	2010	660	50,77

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ nguồn dữ liệu Scopus

#### 4. Thảo luận và kết luận

Dữ liệu trên đây chỉ ra rằng nghiên cứu về văn hoá tổ chức đã thể hiện một xu hướng ngày càng ấn tượng, được phản ánh bởi số lượng nghiên cứu tăng lên hàng năm bắt đầu từ những năm 2009, có sự tăng cao vào

---

năm 2020 (Hình 3). Kết quả phân tích của tác giả cho thấy xu hướng này vẫn tiếp tục, thể hiện qua số lượng tài liệu ngày càng tăng theo năm (Bảng 2). Về khía cạnh trích dẫn, các bài báo xuất bản năm 1983 được chọn là bài báo được trích dẫn nhiều hoặc có tổng số trích dẫn cao hơn, số lần trích dẫn trung bình trên mỗi nghiên cứu (cũng như chỉ số h và g so với các nghiên cứu năm 1980 vì các nghiên cứu cũ tổng hợp nhiều trích dẫn hơn các bài báo gần đây).

Nhiều nghiên cứu trước đây cho thấy rằng các nghiên cứu có nguồn gốc chủ yếu từ các tổ chức học thuật ở Hoa Kỳ (Cui & cộng sự, 2018). Tuy nhiên, kết quả phân tích của tác giả cho thấy các nghiên cứu ở Malaysia và Châu Úc đang có xu hướng tăng lên, như thể hiện trong Bảng 6. Điều này cho phép nhận ra rằng, trong những năm gần đây các nhà nghiên cứu mới ở khu vực Đông Nam Á và Châu Úc đã quan tâm hơn trong lĩnh vực văn hóa tổ chức so với trước đây.

Bài viết này bắt đầu với một đánh giá ngắn gọn về lịch sử phát triển của văn hóa tổ chức và các học giả nổi bật với các nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của họ. Dựa trên 4731 nghiên cứu được xuất bản từ năm 1969 đến 2023, các điểm quan trọng xuất hiện và một cái nhìn tổng quan có hệ thống về văn hóa tổ chức đã được trình bày thông qua phân tích thư mục. Kết quả phân tích đã xác định các tác giả chính, tạp chí, quốc gia, tổ chức, từ khóa và tài liệu tham khảo như thể hiện trong các bảng và hình trên. Hơn nữa, kết quả phân tích đồng xuất hiện cho thấy chuyển giao tri thức, gắn kết công việc, năng lực động là những biến số nghiên cứu liên quan đến văn hóa tổ chức.

Với sự hỗ trợ của ứng dụng *VOSviewer*, bài viết này đã điều tra sâu và định lượng một chủ đề thú vị. Về mặt nào đó, bài viết này có thể coi là một minh chứng cho việc nghiên cứu một lĩnh vực mới một cách ngắn gọn và nhanh chóng. Trong trường hợp này, văn hóa tổ chức đã được sử dụng làm ví dụ cho thấy, *VOSviewer* phản ánh rất trực quan về kết quả phân tích đồng tác giả, đồng xuất hiện và trích dẫn. So với việc chỉ xem xét các tài liệu hiện có, phương pháp này không chỉ cho thấy sự phát triển của một chủ đề, các tác giả quan trọng và các bài phê bình một cách trực quan mà còn có thể dự đoán các xu hướng trong tương lai về chủ đề này. Những phát hiện này không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng cơ bản về văn hóa tổ chức cho độc giả quan tâm đến lĩnh vực văn hóa tổ chức mà còn cung cấp một khía cạnh nghiên cứu trực quan và định lượng cho các học giả có cùng hướng quan tâm nhằm lấp đầy khoảng trống giữa văn hóa tổ chức và phân tích thư mục.

Tuy nhiên, có một vài hạn chế đối với nghiên cứu trắc lượng thư mục này. Đầu tiên, dữ liệu được trình bày chỉ giới hạn trong cơ sở dữ liệu *Scopus*, tức là một phần mẫu xuất bản toàn cầu trong chủ đề này và nghiên cứu khoa học về văn hóa tổ chức dự kiến sẽ lớn hơn đáng kể. Thứ hai, dữ liệu trong nghiên cứu này là từ năm 1969 đến tháng 4 năm 2023 và các nghiên cứu mới được công bố gần như mỗi ngày. Thứ ba, tác giả có thể đã loại trừ một số bài báo về văn hóa tổ chức nếu các tác giả không đưa các mô tả bao gồm nghiên cứu của tác giả vào tiêu đề bài báo. Thứ tư, số lượng trích dẫn được áp dụng trong đánh giá tác động của nghiên cứu có thể không phản ánh trực tiếp chất lượng của từng nghiên cứu.

#### **Ghi chú:**

(1) không có tác giả được liệt kê

#### **Tài liệu tham khảo**

- Ahmi, A., & Mohd Nasir, M. H. (2019), 'Examining the trend of the research on extensible business reporting language (XBRL): A bibliometric review', *International Journal of Innovation, Creativity and Change*, 5(2), 1145-1167.
- Annesley, T. M. (2010), 'The title says it all', *Clinical Chemistry*, 56(3), 357-360.
- Barney, J. B. (1986), 'Organizational Culture: Can It Be a Source of Sustained Competitive Advantage?', *Academy of Management Review*, 11(3), 656-665.
- Büschgens, T., Bausch, A., & Balkin, D. B. (2013), 'Organizational culture and innovation: A meta-analytic review', *Journal of Product Innovation Management*, 30(4), 763-781.

- 
- Calori, R., & Sarnin, P. (1991), 'Corporate Culture and Economic Performance: A French Study', *Organization Studies*, 12(1), 049–074.
- Cui, Y., Liu, Y., & Mou, J. (2018), 'Bibliometric analysis of organisational culture using CiteSpace', *South African Journal of Economic and Management Sciences*, 21(1), 1-12.
- El Baz, J., & Iddik, S. (2022), 'Green supply chain management and organizational culture: a bibliometric analysis based on Scopus data (2001-2020)', *International Journal of Organizational Analysis*, 30(1), 156-179.
- Gordon, G. G., & DiTomaso, N. (1992), 'Predicting Corporate Performance from Organizational Culture\*', *Journal of Management Studies*, 29(6), 783–798.
- Ginting, J. G. (2023), 'Organizational culture: An overview and bibliometric analysis', *Asian Journal Of Economics And Business Management*, 2(2), 534 – 542.
- Jamali, H. R., & Nikzad, M. (2011), 'Article title type and its relation with the number of downloads and citations', *Scientometrics*, 88(2), 653-661.
- Pinto, C. F., Serra, F. R., & Ferreira, M. P. (2014), 'A bibliometric study on culture research in International Business', *Brazilian Administration Review*, 11, 340-363.
- Qin, X., Wang, R., Huang, Y. N., Zhao, J., Chiu, H. C., Tung, T. H., Harrison, J. & Wang, B. L. (2023), 'Organisational Culture Research in Healthcare: A Big Data Bibliometric Study', *Healthcare*, 11(2). DOI: <https://doi.org/10.3390/healthcare11020169>.
- Van Eck, N. J., & Waltman, L. (2017), 'Citation-based clustering of publications using CitNetExplorer and VOSviewer', *Scientometrics*, 111, 1053-1070.
- Van Eck, N. J., Waltman, L., Dekker, R., & Van Den Berg, J. (2010), 'A comparison of two techniques for bibliometric mapping: Multidimensional scaling and VOS', *Journal of the American Society for Information Science and Technology*, 61(12), 2405-2416.
- Wilkins, A. L., & Ouchi, W. G. (1983), 'Efficient Cultures: Exploring the Relationship Between Culture and Organizational Performance', *Administrative Science Quarterly*, 28(3), 468–481.
- Zakaria, R., Ahmi, A., Ahmad, A. H., & Othman, Z. (2021), 'Worldwide melatonin research: a bibliometric analysis of the published literature between 2015 and 2019', *Chronobiology International*, 38(1), 27-37.